Mẫu CBTT/SGDHCM-02
(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 08 năm 2016 của TGĐ SGDCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07/CBTT-ĐK/2022	*Thủ Dầu Một, ngày 7 tháng 3 năm 2022*

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM.

- Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
- Mã chứng khoán: **BWE**
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 11 Ngô Văn Trị, P. Phú Lợi, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
- Điện thoại: 0274.3824 245 Fax: 0274.3897 722
- Người thực hiện công bố thông tin: *Bà **Dương Anh Thư***
  Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Loại thông tin công bố : ☑định kỳ ☐ bất thường ☐ 24h ☐ theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố thông tin (*):

+ Công bố thông tin: + Tài liệu Đại hội cổ đông thường niên 2022- Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương.

+ Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 7/3/2022 tại đường dẫn: http://www.biwase.com.vn.

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

- *Tài liệu đính kèm/*

Tài liệu liên quan đến việc CBTT /

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Dương Anh Thư

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
DN: C=VN, S=Bình Dương, L=Thành phố Thủ Dầu Một, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:3700145694
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2022.03.07 15:18:42+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 11.1.0

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

------- ❋❋❋ -------

TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2022

Thủ Dầu Một, ngày 31 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC TÀI LIỆU

ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Ngày 31/03/2022

1. Quy chế làm việc của Đại hội cổ đông.
2. Chương trình Đại hội.
3. Thể lệ biểu quyết.
4. Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và định hướng năm 2022.
5. Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và Kế hoạch năm 2022.
6. Báo cáo tài chính tóm tắt đã kiểm toán năm 2021.
7. Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2021.
8. Tờ trình phân phối lợi nhuận sau thuế và các quỹ năm 2021.
9. Tờ trình miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, BKS nhiệm kỳ I (2016-2021). Bầu cử nhiệm kỳ II (2022-2027).
10. Thông qua tờ trình sửa đổi Điều lệ công ty (lần 6) và điều chỉnh tên tiếng anh.
11. Tờ trình phân phối lợi nhuận sau thuế và trích lập các quỹ năm 2022.
12. Tờ trình Kế hoạch chi trả lương, thù lao của HĐQT, BKS, Thư ký năm 2022.
13. Tờ trình Lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022.
14. Dự thảo Biên bản & Nghị quyết của Đại hội.

☼☼☼

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Thời gian: ***8h00'*** *ngày* ***31/03/2022*** *- Thứ năm.*
Địa điểm: *Số 11 Ngô Văn Trị, phường Phú Lợi, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.*

STT	Nội dung	Thời gian	Người thực hiện
1	- Đón tiếp, đăng ký cổ đông dự họp.	8h00-8h30	Ban tổ chức
2	Khai mạc đại hội - Tuyên bố lý do tổ chức đại hội và giới thiệu thành phần tham dự.	8h30-8h45	Ban tổ chức
3	- Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông. - Bầu Đoàn chủ tọa, ban thư ký, Ban kiểm phiếu.	8h45-8h55	Bà Dương Anh Thư
4	- Thông qua Quy chế làm việc của đại hội. - Thông qua chương trình đại hội. - Thông qua thể lệ biểu quyết.	8h55-9h05	Ông Nguyễn Thanh Phong
5	Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và định hướng năm 2022.	9h05-9h25	Ông Nguyễn Văn Thiền
6	Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và Kế hoạch năm 2022.	9h25-9h45	Ông Trần Chiến Công
7	Báo cáo tài chính tóm tắt đã kiểm toán năm 2021.	9h45-9h55	Ông Trần Tấn Đức
8	Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2021.	9h55-10h05	Bà Dương Anh Thư
9	Đóng góp ý kiến của các cổ đông về các báo cáo và giải đáp tại đại hội.	10h05– 10h15	Ông Nguyễn Văn Thiền
10	Thông qua Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021.	10h15 – 10h20	Ông Trần Chiến Công
11	Thông qua Tờ trình và tiến hành bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ II (năm 2022-2027).	10h20 – 10h25	Ông Nguyễn Thanh Phong
	Giải lao	10h25 – 10h40	

STT	Nội dung	Thời gian	Người thực hiện
12	Thông qua Tờ trình Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế và các quỹ năm 2022.	10h40 – 10h50	Ông Nguyễn Văn Thiền
13	Thông qua Tờ trình Kế hoạch chi trả lương, thù lao của HĐQT, BKS và Thư ký HĐQT năm 2022.	10h50 - 10h55	Ông Nguyễn Thanh Phong
14	Thông qua tờ trình Lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022.	10h55-11h00	Ông Trần Chiến Công
15	Thông qua tờ trình sửa đổi Điều lệ công ty (lần 6) và tên tiếng anh của Công ty.	11h00-11h10	Ông Trần Chiến Công
16	Thông qua Báo cáo kết quả kiểm phiếu bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ II (năm 2022- 2027).	11h10-11h25	Ông Mai Song Hào
17	Họp phiên đầu tiên HĐQT, BKS của nhiệm kỳ II (năm 2022 - 2027), thông báo kết quả họp.	11h25-11h30	Ông Mai Song Hào
18	Thông qua Biên bản đại hội.	11h30-11h35	Bà Lê Ngọc Lan Thảo
19	Thông qua Nghị quyết đại hội.	11h35-11h40	Ông Nguyễn Văn Thiền
20	Bế mạc Đại hội.	11h40-11h45	Ban tổ chức

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Trương Văn Nghĩa
Trưởng Phòng Nhân Sự Quản Trị

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thủ Dầu Một, ngày 7 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021 & KẾ HOẠCH NĂM 2022

Kính gởi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ BIWASE

I. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

1. TỔNG QUAN

Từ tháng 6/2021 là thời điểm bùng phát mạnh dịch bệnh Covid 19 lần 4 tại các tỉnh thành phía nam, trong đó TP HCM, Tỉnh Bình Dương đã phải chịu ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch COVID-19 với thời gian giãn cách xã hội kéo dài, tình hình phát triển kinh tế - xã hội cũng gặp không ít khó khăn, hầu hết các ngành, lĩnh vực kinh tế đều chịu tác động tiêu cực. Tuy nhiên, nhờ có các biện pháp phòng chống triệt để cộng với việc nhanh chóng hoàn thành tiêm ngừa tỷ lệ cao của địa phương, đến tháng 10/2021 ảnh hưởng của dịch bệnh ở tỉnh Bình Dương hạ nhiệt và bắt đầu hồi phục. Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) năm 2021 ước tính 2,62%, kim ngạch xuất khẩu ước đạt 31,5 tỷ đô-la Mỹ, tăng 13,5% (năm 2020 tăng 8,5%, kế hoạch năm 2021 tăng 12%)…

Tại Công ty BIWASE, với sự chỉ đạo kịp thời của ban điều hành, quyết tâm vượt qua khó khăn, biến thách thức thành cơ hội qua việc đổi mới phương pháp quản trị, tăng cường các ứng dụng online và phát triển đấu nối khách hàng nhằm phát huy công suất của các nhà máy đã đầu tư,… Với sức mạnh đoàn kết, thống nhất, lãnh đạo quyết liệt của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và với nỗ lực của tập thể CBCNV thực hiện nhiệm vụ trong năm 2021 cơ bản đã đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng nước của người dân cũng như đảm bảo dịch vụ thu gom, xử lý chất thải và nước thải phát sinh trên địa bàn tỉnh và đã phấn đấu hoàn thành kế hoạch được giao năm 2021 với một số kết quả đạt được như sau:

2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

STT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2020	So với TH 2020 (%)	Kế hoạch 2021	So với KH 2021 (%)
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	**3.570** *	3.334**	107%	3.560	100%
2	Tổng chi phí	Tỷ đồng	**2.733**	2.568	106%		
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	**837**	587	142%	550	152%

4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	**737**	527	140%		
5	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	**213**	201	102%		
6	Sản lượng nước tiêu thụ	m^3	**174.091.924**	165.398.109	105%	176.000.000	99%
7	Đấu nối cấp nước	Khách hàng	**23.598**	27.685	85%	28.000	84%
8	Tỷ lệ thất thoát nước	%	**5**	5,33	-33%	5,33	-0,33%
9	Cổ tức	%	**12**	12	100%	12	100%

** Bao gồm doanh thu nội bộ (222 tỷ đồng) và chưa gồm doanh thu tại lĩnh vực nước thải do chưa ghi nhận từ tháng 7→12/2021 giá trị 40,6 tỷ đồng do các sở ngành còn xem xét lại đơn giá đặt hàng.*

*** Không gồm doanh thu chi nhánh xây lắp cơ điện (401 tỷ đồng) khi chưa thành lập Công ty CP xây lắp – điện BIWASE.*

2.1.SẢN XUẤT KINH DOANH NƯỚC

- Doanh thu sản xuất nước năm 2021: **2.074** tỷ đồng. Đạt **98%** kế hoạch năm 2021 (2.114 tỷ đồng), tăng 9% so với năm 2020 (1.898 tỷ đồng).
- Tổng công suất cấp nước của hệ thống BIWASE hiện tại đạt tối thiểu và bình quân khoảng 760.000 m^3/ngày đêm và tối đa 997.000 m^3/ngày đêm.
- Nước sản xuất: **185.758.036m^3**, tăng **6%** so với năm 2020 (176.023.178 m^3) trong đó nước tự dùng phục vụ bảo trì, súc xả đường ống và vệ sinh công nghiệp chiếm 1,7% (3.220.671m^3), tăng so với cùng kỳ năm 2020 do các nhà máy tăng cường công tác vệ sinh nhà máy... Lượng hoá chất sử dụng như vôi, phèn, clor… sử dụng theo quy định, tiêu chuẩn về xử lý nước ăn uống.
- Sản lượng nước tiêu thụ: **174.091.924m^3**, tăng 5,2% so với năm 2020 (165.398.109m^3), đạt **99%** so với kế hoạch năm 2021 (176.000.000m^3).
- Thất thoát nước trong năm 2021: **5%**, giảm 0,33% so với năm 2020 (5,33%) và giảm 0,33% so với kế hoạch năm 2021 (5,33%).
- Điện năng tiêu thụ bình quân cho 1 m^3 nước sản xuất là: 0,30 Kw/m^3.
- Đấu nối khách hàng cấp nước trong năm 2021: **23.598** khách hàng, cụ thể tại phụ lục đính kèm.
- Trong năm 2021, do tập trung phát triển công tác dịch vụ khách hàng nên tổng giá trị đầu tư công trình ống trục, ống phân phối bằng nguồn vốn đầu tư phát triển của công ty tăng khoảng 40% so với bình quân các năm trước, tổng đầu tư khoảng **128** tỷ đồng, các công trình tập trung chủ yếu ở các chi nhánh cấp nước như: Thủ Dầu Một Khu Liên Hợp, Dĩ An, Bàu Bàng, Chơn Thành, Thuận An, … Điển hình như: Tuyến ống cấp nước

D400mm đường Cao Bá Quát - KCN Becamex, Tuyến ống cấp nước D160mm bên trái đường ĐT 741 xã phước Hòa huyện Phú Giáo, D160mm bên trái đường DT 741 đoạn từ UBND phường Phú Hòa…

- Số m đường ống cấp nước thi công, thực hiện trong năm 2021 tăng thêm **446.251** m. Cụ thể như sau:

STT	Tên chi nhánh	Cộng	Số đường ống thi công thực hiện trong năm 2021(m)				Ghi chú
			Ống cấp 1: ≥ D600	Ống cấp 2: D300 → < D600	Ống cấp 3: D110→ < D300	Ống phân phối, trục: < D110	
1	CNCN Khu Liên Hợp	**109.037**		24	54.035	54.978	
2	CNCN Dĩ An	**35.624**		160	22.316	13.148	
3	CNCN Thủ Dầu Một	**88.314**			27.990	60.324	
4	CNCN Tân Uyên	**64.180**	6.430	4.560	27.482	25.708	
5	CNCN Thuận An	**16.755**			8.250	8.505	
6	CNCN Bàu Bàng	**67.653**	17.170	426	36.720	13.337	
7	CNCN Chơn Thành	**59.124**	4.272	7.837	30.227	16.788	
8	CNCN Dầu Tiếng	**5.564**		4.402	1.162		
Tổng cộng		**446.251**	**27.872**	**17.409**	**208.182**	**192.788**	

2.2. CÔNG TÁC VỆ SINH MÔI TRƯỜNG

*** Thu gom, vận chuyển và xử lý rác:**

- Doanh thu đạt: **835** tỷ đồng, đạt 103% kế hoạch được giao năm 2021(810 tỷ đồng), tăng 13% so với năm 2020 (736 tỷ đồng).
- Khối lượng rác tiếp nhận trong năm 2021 là **885.249,7** tấn và nước rỉ rác 6.166,5 tấn, trung bình tiếp nhận và xử lý khoảng: **2.425 tấn/ngày** và nước rỉ rác 16,9 tấn/ngày. Phân loại chất thải chiếm tỷ lệ như:

STT	Thành phần	Khối lượng (tấn)	Chiếm tỷ lệ (%)
1	Rác thải sinh hoạt	776.158,5	87,68
2	Chất thải công nghiệp không nguy hại	65.755,7	7,43
3	Bùn thải nguy hại	16.031,3	1,81
4	Chất thải lỏng nguy hại	5.044,2	0,57
5	Chất thải rắn nguy hại	10.556,7	1,19
6	Chất thải y tế nguy hại	11.703,4	1,32
	Tổng cộng	**885.249,7**	**100**

- Tổng số khách hàng của chi nhánh xử lý chất thải đến nay là: **2.541** khách hàng. Trong đó trong năm 2021 giảm 103 khách hàng (đến 31/12/2020 là 2.644 khách hàng) trong đó phần lớn do các doanh nghiệp tạm ngưng hoạt động do ảnh hưởng covid.

2.3. CÔNG TÁC THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

- Doanh thu năm 2021 của lĩnh vực xử lý nước thải: **74** tỷ đồng, đạt 48 % kế hoạch được giao 2021 (153 tỷ đồng). Tuy nhiên do trong kỳ chưa lên doanh thu khoảng 40,6 tỷ đồng. Như vậy, tổng giá trị sản phẩm, dịch vụ thực hiện trong kỳ đạt khoảng 115 tỷ đồng, đạt 75% kế hoạch được giao (153 tỷ đồng), giảm 12% so với năm 2020 (130 tỷ đồng)

- Đến nay, tổng lượng nước thải được thu gom, xử lý tại các chi nhánh: 16.227.531 m^3 với chất lượng nước thải sau xử lý ổn định, đạt loại A, QCVN 14:2008/BTNMT. Tổng số lượng hộ đấu nối nước thải đến nay đạt 20.766 hộ. Chi tiết tại phụ lục đính kèm.

*** Bảng tổng hợp tình hình hoạt động của các Chi nhánh xử lý nước thải trong kỳ**

STT	Chi nhánh xử lý nước thải	Công suất thiết kế (m^3/ng đêm)	Lượng nước xử lý năm 2021 (m^3)	Lượng xử lý Bình quân (m^3/ngày đêm)	Lượng theo kế hoạch 2021 (m^3/ngày đêm)	So với Kế hoạch 2021 (%)	Số lượng đấu nối (khách hàng)		Ghi chú Ngày bắt đầu vận hành
							Tăng trong kỳ	Lũy kế	
1	Thủ Dầu Một	17.650	5.504.763	15.082	16.100	94	513	8.212	31/05/2013
2	Thuận An	17.000	4.490.824	12.304	15.000	82	594	6.294	21/04/2017
3	Dĩ An	20.000	4.070.733	11.153	12.000	93	1.115	4.462	30/11/2018
4	Tân Uyên	15.000	2.161.211	5.921	5.500	108	605	1.798	01/04/2019
	Tổng cộng	**69.650**	**16.227.531**	**44.459**	**48.600**	**91**	**2.867**	**20.766**	

2.4 XÂY DỰNG CƠ BẢN:

Trong năm năm 2021 hầu hết tập trung vào đầu tư phát triển mạng lưới cấp nước (các tuyến ống chuyển tải và phân phối) để phát huy hiệu quả của các công trình, nhà máy cấp nước đã hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2020 như: NMN Tân Hiệp, NMN Uyên Hưng, NMN Nam Tân Uyên, NMN Chơn Thành và các công trình tăng công suất xử lý tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nam Bình Dương, …

Tổng giá trị đầu tư xây dựng cơ bản giải ngân trong năm 2021 đạt **724** tỷ đồng, một số công trình điển hình như: đầu tư tuyến ống chuyển tải cấp nước nhà máy nước Nam Tân Uyên và nhà máy nước Uyên Hưng, Tuyến ống cấp nước D1600, D1500, D1200, D1000 từ nhà máy nước Khu Liên Hợp đến Mỹ Phước… *(chi tiết tại phụ lục đính kèm)*

Hiện Công ty đang triển khai đầu tư thi công xây dựng Hệ thống cấp nước trong khu công nghiệp, đô thị và Dịch vụ Becamex – VSIP Bình Định tại xã Canh Vinh, huyện Vân Canh, tỉnh Bình Định.

2.5 CÔNG TÁC NHÂN SỰ - QUẢN TRỊ

Đến nay, Công ty có tổng số CBCNV là 1.061 người giảm 46 người so với năm 2020 (1.107 người) chủ yếu do điều chuyển nhân sự từ chi nhánh xây lắp cơ điện sang công ty Xây lắp điện BIWASE (là công ty con của BIWASE chiếm 60% vốn điều lệ). Cụ thể như sau:

STT	ĐƠN VỊ	ĐẾN 31/12/2020	+/- TRONG KỲ	ĐẾN 31/12/2021	GHI CHÚ
1	CNCN Dĩ An	125	-2	123	
2	CNCN Khu Liên Hợp	101	-7	94	
3	CNCN Thủ Dầu Một	59	-5	54	
4	CNCN Thuận An	38	0	38	
5	CNCN Tân Uyên	60	-1	59	
6	CNCN Chơn Thành	25	3	28	
7	CNCN Bàu Bàng	21	0	21	
8	CNCN Dầu Tiếng	8	-1	7	
9	CNCN Phước Vĩnh	6	0	6	
10	CN Dịch Vụ Đô Thị	33	4	37	
11	CN Xử Lý Chất Thải	343	-2	341	
12	CN NT Thủ Dầu Một	57	2	59	
13	CN NT Thuận An	40	-2	38	
14	CN NT Dĩ An	23	-1	22	
15	CN NT Tân Uyên	20	1	21	
16	CN Tư Vấn CTN	14	0	14	
17	CN XL Cơ Điện	25	-23	2	Chuyển → BIWELCO
18	CNCN Con Voi	09	-1	8	
19	Ban Điều Hành	05	0	5	
20	Phòng nhân Sự - Quản Trị	40	-7	33	
21	Phòng Tài Chính Kế Toán	21	0	21	
22	Phòng Kế Hoạch Vật Tư	11	-1	10	
23	Phòng CTT và DVKH	11	0	11	
24	BQLDA	1	-1	0	
25	Trung tâm QLCL Nước	9	-1	8	
26	TT Đào Tạo NNL	2	-1	1	
Tổng cộng		**1.107**	**-46**	**1.061**	

- Như vậy, đến nay công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

  + **18 Chi nhánh** trực thuộc gồm:

  ♦ 9 Chi nhánh Cấp nước: Dĩ An, Thủ Dầu Một, Khu Liên Hợp, Tân Uyên, Thuận An, Bàu Bàng, Dầu Tiếng, Phước Vĩnh, Chơn Thành – Tỉnh Bình Phước

  ♦ 1 Chi nhánh Xử lý chất thải.

  ♦ 4 Chi nhánh xử lý nước thải: Thủ Dầu Một, Thuận An, Dĩ An, Tân Uyên;

  ♦ 1 Chi nhánh tư vấn Cấp thoát nước.

  ♦ 1 Chi nhánh dịch vụ đô thị.

♦ 1 Chi nhánh Xây lắp Công nghệ Cơ Điện BIWASE.

♦ 1 Chi nhánh thương mại Con voi.

+ **4 phòng** nghiệp vụ: Nhân sự quản trị, Tài chính kế toán, Kế hoạch - Vật tư, Chống Thất Thoát.

+ **2 Trung tâm**: Dạy nghề và nâng cao nguồn nhân lực BIWASE và trung tâm quản lý chất lượng nước.

5. CÔNG TÁC NGHIỆP VỤ & QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

- **Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2021:** Trong năm 2021 (ngày 24/5/2021) Công ty đã thực hiện hoàn chỉnh phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2021 của Công ty BIWASE (ESOP) (báo cáo kết quả phát hành số 2284/UBCK - QLCB của Ủy Ban chứng khoán NN) với tổng số cổ phần phát hành thêm 5.420.000 cổ phần BWE và tổng số tiền thu được từ đợt phát hành: 86,72 tỷ đồng (để bù đắp vốn lưu động của BWE theo như nghị quyết) nâng tổng số chứng khoán đăng ký hiện tại của BWE đạt 192.920.000 cổ phiếu (Giấy chứng nhận số 104/2017/GCNCP-CSD-2 ngày 25/6/2021 của TTLKCKVN - CNHCM) với tổng vốn điều lệ công ty BIWASE hiện là 1.929,2 tỷ đồng. Trong đó tỷ lệ vốn nhà nước tại BIWASE trước phát hành ESOP: 20% và hiện tại còn 19,44% vốn điều lệ cũng như đã hoàn tất cấp sổ chứng nhận sở hữu cổ phần cho các cổ đông BIWASE của chương trình ESOP (87 người).

- **Chung tay vì cộng đồng phòng chống dịch Covid**: thời gian qua BIWASE cũng đã thực hiện nhiều hoạt động trong và ngoài tỉnh với tổng giá trị trên **33 tỷ đồng**, gồm:

  + Tặng 500 triệu đồng cho quỹ vacxin phòng chống dịch trung ương và UBMTTQ VN tỉnh Bình Dương.

  + Tặng 150.000 bộ test nhanh cho Ban chỉ đạo phòng chống dịch Covid 19 tỉnh Bình Dương, tổng trị giá 11,25 tỷ đồng.

  + Tặng 2 xe cứu thương chuyên dụng cho huyện Vĩnh Cửu và huyện Trảng Bơm (tỉnh Đồng Nai), tổng trị giá 2,5 tỷ đồng.

  + Tặng 30.000 bộ kim tiêm cho Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Bình Dương, trị giá 30 triệu đồng.

  + Hỗ trợ cho UBND tỉnh Bình Phước (1tỷ đồng), tỉnh Bến Tre (1tỷ đồng).

  + Ngoài ra còn ủng hộ nước đóng chai Biwase, nước sạch cho các chốt kiểm soát, khu cách ly của tỉnh…(1,2 tỷ đồng) và Miễn giảm giá nước cho các đối tượng khách hàng sử dụng nước trong tháng 8,9/2021 khoảng (16 tỷ đồng)

- **Tình hình hoạt động của các công ty con:**

  + <u>Công ty cổ phần Xây Lắp - Điện BIWASE (BIWELCO):</u> với vốn điều lệ 100 tỷ đồng, BIWASE sở hữu 60% vốn điều lệ: Doanh thu đạt được năm 2021 khoảng 308 tỷ đồng, đạt 103 % doanh thu kế hoạch được giao (300 tỷ đồng), Lợi nhuận sau thuế đạt khoảng 28,7 tỷ đồng, tỷ lệ chia cổ tức: 12%/năm. Mặc dù tác động của dịch Covid, tuy nhiên BIWELCO cũng đã nỗ lực hoàn thành vượt mức kế hoạch doanh thu được giao, các công trình thực hiện điển hình trong năm 2021 như:

    • Điện năng lượng mặt trời được triển khai và tận dụng không gian trống tại khuôn viên các NMN thuộc quản lý của doanh nghiệp với công suất 5,2MWp (kế hoạch giao 9 MWp) và mục tiêu đạt 35 MWp đến năm 2025.

• Nhiệt điện được lắp đặt tại nhà máy rác của doanh nghiệp, Nhiệt điện sử dụng hơi nóng của các nhà máy rác tỏa ra trong quá trình xử lý các rác thải rắn, đang hoàn thiện quy trình, trước mắt hoàn thành 5MW và kế hoạch 10 MW sau năm 2022.

+ Công ty Cp tái chế vật liệu xanh (3R): với vốn điều lệ 16,67 tỷ đồng, BIWASE sở hữu: 98,8%. Do ảnh hưởng chung bởi tình hình dịch bệnh Covid, sản phẩm gạch sản xuất không tiêu thụ được và không bù được chi phí sản xuất. Do vậy, để giảm thiểu thiệt hại có thể, vào tháng 9/2021, ban điều hành công ty 3R quyết định tạm ngưng hoạt động trong vòng 6 tháng do hoạt động không hiệu quả trong thời gian Covid.

- **Công tác quản trị doanh nghiệp**: đào tạo cán bộ quản lý, cán bộ lãnh đạo am hiểu thêm phương pháp quản trị doanh nghiệp theo xu hướng của các nước phát triển, đáp ứng tốt nhu cầu đối với công ty niêm yết và là công ty đại chúng có quy mô lớn. Nguồn nhân lực BIWASE ngày càng ổn định vững vàng, thực hiện công việc ngày càng chuyên nghiệp và hiệu quả.

PHẦN II

NHẬN XÉT KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2021

Do các sản phẩm của công ty chủ yếu là các sản phẩm, dịch vụ công ích nên kết quả thực hiện các lĩnh vực hoạt động chuyên ngành mang tính đặc thù, thì ngoài nỗ lực hoàn thành các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tài chính thì quan trọng hơn là những hiệu quả về mặt môi trường, hạ tầng đô thị góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và tạo động lực phát triển cho tỉnh Bình Dương.

- **Cấp nước:**

- Trong kỳ, đẩy mạnh công tác phát triển khách hàng, triển khai thi công tuyến ống cấp nước đến các vùng nông thôn, vùng ven các thị trấn để người dân được hưởng lợi ích từ nguồn nước sạch của công ty và đáp ứng tiêu chí về tỷ lệ cấp nước sạch của đô thị mới cũng như để phát huy hiệu quả việc khai thác nước của các công trình nhà máy cấp nước của BIWASE đã được đầu tư mở rộng trong thời gian qua.
- Giá nước sạch được điều chỉnh phù hợp, kịp thời (bắt đầu từ kỳ hóa đơn tháng 1/2021).
- Về chống thất thoát kết quả khá phấn khởi đạt 5% (giảm 0,33% so với kế hoạch 2021(5,33%)) và cần được duy trì ở mức thất thoát thấp và đầu tư thêm nhiều thiết bị có giá trị nhằm ổn định áp lực trong mạng lưới, phát hiện xử lý một số lỗi bất hợp lý trên mạng.
- Hỗ trợ khách hàng sử dụng nước sinh hoạt cũng như Hành chánh sự nghiệp, tại các khu cách ly, các khu phong tỏa, công ty thực hiện miễn giảm giá nước trong tháng 8,9/2021.
- Ngoài ra, do ảnh hưởng dịch covid cũng như sự ngưng trệ của một số hoạt động của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương, trong đó BIWASE vào những tháng do tác động của giãn cách xã hội (tháng 7→9/2021) kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng bị ảnh hưởng sụt giảm, tuy nhiên với nỗ lực của chính quyền địa phương, ban điều hành và tập thể BWE trong công tác phòng chống dịch cũng như tăng cường các hoạt động và kết quả cũng đã được hồi phục và tăng trưởng trở lại ngay sau hết thời gian cách.*(Chi tiết tại phụ lục kết quả hoạt động theo từng tháng đính kèm).*

- **Rác thải:**

- Công tác cung cấp nước sạch và thu gom, xử lý rác thải ngày càng mở rộng phạm vi dịch vụ, lượng rác sinh hoạt thu gom và xử lý ngày càng tăng cao, công nghệ được sử dụng tiên tiến và xử lý triệt để, tối đa tận dụng những nguồn lực, tài nguyên hiện có để tạo ra những sản phẩm có ích cho xã hội.

- Công trình Rác Tân Long: tiến độ thực hiện đền bù giải chưa đạt như mong đợi.
- Trong năm 2021 thì hầu hết rơi vào khoản thời gian bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh covid 19 trên toàn Thế giới và Việt Nam, trong đó nguồn nguyên liệu bị đứt đoạn, các thị trường xuất khẩu cũng dừng nhập hàng do thực hiện cách ly và đóng cửa tại các quốc gia, vùng lãnh thổ gây ảnh hưởng lớn đến sản xuất kinh doanh của khu vực doanh nghiệp trên thế giới nói chung và các doanh nghiệp Việt Nam nói riêng. Tại Việt Nam đỉnh điểm dịch vào tháng 6 với chỉ thị 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 của Thủ tướng chính phủ về thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch COVID-19 về thực hiện giãn cách toàn xã hội trong đó tỉnh Bình Dương áp dụng nhiều ngày. Trong khi đó, công ty phải hoạt động liên tục để đảm bảo cung cấp các dịch vụ đầy đủ và liên tục và thậm chí cần phải làm tốt hơn như tăng cường công tác quét dọn đường phố, khử trùng nơi sản xuất, nơi làm việc và nơi công cộng để đảm bảo vệ sinh môi trường trong cộng đồng đặc biệt những nơi dành cho việc cách ly do nghi ngờ nhiễm bệnh trên địa bàn tỉnh Bình Dương …

- **Nước thải:**

- Các hệ thống thu gom, xử lý nước thải mới được đưa vào hoạt động nên trong năm lượng nước thải thu gom đạt khá và có nhiều tiềm năng tăng trưởng khách hàng đấu nối trong những năm tới.

- **Lĩnh vực khác:**

Đáp ứng nhu cầu thuận lợi khi sử dụng nước đóng chai tại các khu cách ly, các khu phong tỏa trong thời gian phòng chống dịch bệnh, công suất nhà máy sản xuất nước đóng chai đã phải chạy hết công suất và nhân viên luôn được tăng cường, làm việc liên tục mới có thể đáp ứng đủ và kết quả doanh thu tăng trưởng tốt.

- **Đầu tư:**

- Đầu tư tài chính: trong năm 2021, công ty mở rộng đầu tư tại công ty cổ phần cấp nước Gia Tân – thuộc tỉnh Đồng Nai, đây được đánh giá là thị trường có nhiều tiềm năng cấp nước.
- Liên quan đến đầu tư tài chính tại một số doanh nghiệp ngoài ngành, cụ thể tại các công ty 3/2, Thành Lễ cũng có dấu hiệu khởi sắc, giá trị trường của các cổ phiếu này trong thời gian qua tăng trưởng tốt, tuy nhiên vẫn còn một số việc chưa như ý như cổ tức vẫn còn thấp…
- Công trình xây dựng khu nhà ở xã hội 12 tầng (216 căn hộ với khả năng tiếp nhận khoảng 667 người) Quy mô dự án thuộc công trình xây dựng cấp I gồm: 1 hầm, 1 trệt và 11 tầng lầu với tổng diện tích khu đất 4.613,6 m^2 với giá trị thực hiện lũy kế là 184,47 tỷ đồng, hiện đang trong quá trình giải ngân vốn vay và thu hồi vốn đầu tư từ khách hàng, tuy nhiên chưa được đầy đủ.
- Việc chuẩn bị hồ sơ pháp lý cho dự án Xa lộ Nước Long Thành tại tỉnh Đồng Nai cũng đang được công ty BWE gấp rút triển khai và có nhiều chuyển biến tốt.

- **Về chăm lo đời sống người lao động:**

- Ban điều hành công ty luôn tạo điều kiện đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho các CBCNV, từ đó đời sống người lao động ngày càng được nâng cao và an tâm công tác. Thu nhập bình quân năm 2021 đạt: 18,5 triệu đồng/người/tháng. Mức tăng thu nhập trung bình năm đạt 5%. Ngoài ra, công ty cũng rất chú trọng đến việc đời sống tinh thần cho CBCNV thông qua việc tổ chức các giải phong trào thi đua thể dục thể thao tại đơn vị.

PHẦN III
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

Vượt lên mọi khó khăn, tự cải tiến chính bản thân, từng người lãnh đạo, người quản lý, người công nhân luôn phấn đấu tăng năng suất lao động năm sau cao hơn năm trước, ngày càng làm hài lòng khách hàng nhiều hơn. Từ đó, một số chỉ tiêu kế hoạch công ty đặt ra, cụ thể như sau:

3.1 Một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2022:

- Tổng Doanh thu: tăng trưởng ≥ **10%** thực hiện năm 2021
  (Khoảng 3.850 tỷ đồng - gồm doanh thu nội bộ)
- Lợi nhuận sau thuế: ≥ **750** tỷ đồng.
- Thất thoát giảm toàn công ty: ≤ năm 2021 (**5%**/năm).
- Cổ tức mong đợi: ≥ **13%** vốn điều lệ.
- Nước thương phẩm: ≥ **180.000.000** m^3.
- Lượng rác các loại tiếp nhận và xử lý: tăng ≥ **%** như năm 2021.
- Lượng nước thải thu gom, xử lý: tăng ≥ **%** như năm 2021.
- Khách hàng cấp nước: tăng đạt ≥ **25.000** đấu nối.
- Đảm bảo thực hiện đúng tiến độ các công trình trọng điểm. Sửa chữa, tu bổ, mua sắm thiết bị để bảo đảm kế hoạch sản xuất kinh doanh.

3.2 Một số giải pháp thực hiện

- Về cơ bản nếu tình hình dịch bệnh COVID-19 được kiểm soát, tình hình kinh tế tại Bình Dương sẽ hồi phục tốt và có khả năng phát triển nhanh vào năm 2022 thông qua việc thu hút vốn đầu tư của các dự án với quy mô lớn tại Bình Dương như hợp tác phát triển thành phố mới Bình Dương giữa Becamex IDC với Capitaland(Singapore) với giá trị đầu tư khoảng 1,12 tỷ $Singapore, đầu tư hơn 1 tỷ USD vào khu đất rộng 44 ha tại tỉnh Bình Dương của Tập đoàn LEGO,... Qua đó sẽ tạo ra cơ hội cho BIWASE trong việc phát triển dịch vụ của mình. Đề xuất một số giải pháp như sau:

3.2.1. Lĩnh vực cấp nước:

- Đầu tư mạng lưới ống phân phối, phát triển công tác đấu nối khách hàng nhằm cung cấp nước sạch cho người tiêu dùng, sản xuất ngày càng nhiều hơn và để phát huy tối đa công suất của các công trình đã được hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2020 như NMN Tân Hiệp, Dĩ An, Uyên Hưng, Nam Tân Uyên và NMN Chơn Thành.
- Giá nước sạch được điều chỉnh phù hợp, kịp thời (bắt đầu từ kỳ hóa đơn tháng 1/2022).
- Công ty tiếp tục tập trung đầu tư mở rộng phạm vi cấp nước ở những khu vực có tiềm năng như TX Tân Uyên, huyện Bắc Tân Uyên, huyện Bàu Bàng, huyện Hớn Quản, Chơn thành – tỉnh Bình Phước.
- Tiếp tục tổ chức, quản lý thực hiện các dự án và thu xếp nguồn vốn phù hợp, kịp thời phục vụ công tác đầu tư các công trình cấp nước.
- Ứng dụng những thành tựu khoa học công nghệ, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cải thiện điều kiện lao động, giảm thất thoát nước. Ứng dụng công tác tin học để nâng cao hiệu quả quản lý, dịch vụ khách hàng.

- Tiếp tục và đẩy nhanh triển khai chương trình thu tiền nước qua hệ thống thu hộ, nhờ thu.

3.2.2. Lĩnh vực xử lý chất thải:

- Tăng cường thu gom và xử lý hết lượng rác tiếp nhận ngày càng tăng cao của nhà máy xử lý chất thải cũng như phát huy hết công suất dây chuyền xử lý rác thành phân hữu cơ, công suất 840 tấn/ngày và lò đốt rác, công suất 200tấn/ngày đã đưa vào vận hành sử dụng.
- Hoàn thiện hồ sơ liên quan đến các khu đất phục vụ Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Tân Long.
- Phát triển, mở rộng việc kinh doanh và tăng cường công tác quảng bá, tiếp thị đối với các sản phẩm gạch con voi, phân bón con voi và nước đóng chai.
- Tiếp tục triển khai thực hiện nghiên cứu, hoàn chỉnh các công nghệ xử lý rác, tăng cường công tác bán và chuyển giao thiết bị xử lý rác.

3.2.3. Lĩnh vực thu gom, xử lý nước thải:

- Tiếp tục hoàn thiện và trình duyệt phương án đơn giá dịch vụ thoát nước thải sinh hoạt để có thể áp dụng đơn giá mới.
- Tăng cường công tác đấu nối khách hàng và hoàn thiện cơ chế thu gom nước thải đối với khách hàng công nghiệp.

3.2.4. Nhiệm vụ khác:

- Tăng cường công tác thu hồi vốn đầu tư của công ty đã đầu tư xây dựng khu nhà ở xã hội 12 tần – An Phú.
- Tiếp tục nâng cao nhận thức người lao động, nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ, cải tiến trong công tác điều hành, quản lý vận hành hiệu quả, tiết kiệm chi phí. Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, kiện toàn bộ máy quản lý, tăng năng suất và hiệu quả lao động.
- Nghiên cứu mở rộng thị trường kinh doanh với tầm nhìn dài hạn, trong đó nỗ lực tập trung mở rộng phạm vi đầu tư trong ngành cấp nước.
- Triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh trong trạng thái bình thường mới. Luôn sẵn sàng ở tư thế chủ động, không chủ quan, không lơ là, để đảm bảo an toàn sức khoẻ và tính mạng cho người lao động; đồng thời tiếp tục thúc đẩy thực hiện các công việc, đẩy mạnh sản xuất kinh doanh,... trong năm 2022 để hoàn thành kế hoạch, nghị quyết đã đề ra tại đại hội cổ đông năm 2022.

Trên đây là Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 và Phương hướng hoạt động kinh doanh năm 2022 kính trình HĐQT Công ty xem xét.

Nơi nhận:
- Như trên
- HĐQT Cty;
- BKS Cty;
- Lưu

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Trần Chiến Công
Tổng Giám Đốc

PHỤ LỤC

* Đấu nối khách hàng cấp nước thay đổi trong năm 2021: **23.598** khách hàng và lũy kế đến ngày 31/12/2021: **326.659** khách hàng.

STT	CHI NHÁNH CẤP NƯỚC	KHÁCH HÀNG +/- TRONG KỲ					KHÁCH HÀNG LŨY KẾ ĐẾN 31/12/2021				
		Kinh doanh, dịch vụ	HCSN	Sản xuất	Dân dụng	CỘNG	Kinh doanh, dịch vụ	HCSN	Sản xuất	Dân dụng	CỘNG
1	THỦ DẦU MỘT	12	25	7	5.243	**5.287**	716	440	261	68.573	**69.990**
2	DĨ AN	62	108	22	5.510	**5.702**	873	499	1.326	114.688	**117.386**
3	KHU LIÊN HỢP	-5	33	-301	5.632	**5.359**	124	214	3.568	51.985	**55.891**
4	TÂN UYÊN	0	15	143	1.698	**1.856**	46	142	955	12.843	**13.986**
5	DẦU TIẾNG	1	0	0	144	**145**	38	61	4	4.962	**5.065**
6	PHƯỚC VĨNH	0	-8	0	193	**185**	18	77	3	3.486	**3.584**
7	BÀU BÀNG	8	2	466	1.370	**1.846**	8	51	3.609	7.043	**10.711**
8	XNCN THUẬN AN	37	18	11	1.881	**1.947**	658	212	389	42.031	**43.290**
9	CN CHƠN THÀNH	6	11	41	1.213	**1.271**	41	55	240	6.420	**6.756**
	CỘNG	**121**	**204**	**389**	**22.884**	**23.598**	**2.522**	**1.751**	**10.355**	**312.031**	**326.659**

* Tổng số km đường ống cấp nước hiện do công ty quản lý, sử dụng đến 31/12/2021: **5.329.471.**

STT	Tên nhà máy	Số đường ống quản lý, khai thác (m)
1	CNCN Khu Liên Hợp	1.099.673
2	CNCN Dĩ An	1.257.670
3	CNCN Thị xã TDM	1.709.360
4	CNCN Tân Uyên	337.771
5	CNCN Thuận An	212.086
6	CNCN Phước Vĩnh	59.705
7	CNCN Dầu Tiếng	67.339
8	CNCN Bàu Bàng	235.142
9	CN Cấp nước Chơn Thành	350.725
	Tổng cộng	**5.329.471**

*** Bảng chi tiết sản lượng nước tiêu thụ và sản xuất năm 2021**

STT	CHI NHÁNH Cấp nước	NƯỚC Tiêu thụ (m^3)	NƯỚC Nguồn (m^3)	Trong đó		Nước nguồn mua thêm
				Tự sản xuất (m^3)	Mua nội bộ (m^3)	
1	Thủ Dầu Một	15.745.280	17.560.764	7.247.815	10.312.949	Khu liên hợp, Dĩ An, Thuận An
2	Dĩ An	58.164.651	88.936.445	88.936.445		
3	Khu Liên Hợp	50.971.406	55.306.224	55.294.230	11.994	Bàu bàng
4	Tân Uyên	11.073.448	11.436.006	11.436.006		
5	Dầu Tiếng	916.678	948.485	948.485		
6	Phước Vĩnh	650.818	680.970	680.970		
7	Bàu Bàng	11.958.738	11.144.403	11.140.300	4.103	Chơn Thành
8	Thuận An	14.883.351	22.022.035	0	22.022.035	Dĩ an
9	Chơn Thành	9.727.554	10.073.785	10.073.785		
Tổng cộng		**174.091.924**	**218.109.117**	**185.758.036**	**32.351.081**	

*** Tổng số km đường ống thoát nước hiện có tại các chi nhánh nước thải: 1.067,6 Km**

ĐVT: Km

STT	Chi nhánh nước thải	Tuyến ống cấp 1 (D400mm-1.200mm)	Tuyến ống cấp 2 (D200mm-350mm)	Tuyến ống cấp 3 (D110mm-160mm)	Ống áp lực	Tổng cộng
1	Thủ Dầu Một	25	81	264	11	381
2	Thuận An	16,4	52,9	220,7		290
3	Tân Uyên	22,3	11,9	81,3	2,5	118
4	Dĩ An	21,7	33,7	216	7,2	278,6
Tổng cộng		**85,4**	**179,5**	**782**	**20,7**	**1.067,6**

*** Thống kê một số chỉ tiêu chính trong năm 2021** theo từng tháng theo tình hình diễn biến dịch bệnh Covid 19: tháng 7→9: giãn cách xã hội, kiểm soát được dịch bệnh, ngưng giãn cách từ tháng 10/2021.

Tháng	Thực hiện năm 2021 theo các lĩnh vực hoạt động chính					Ghi chú
	Doanh thu (tỷ đồng)	Lợi nhận ST (Tỷ đồng)	Sản lượng nước sạch tiêu thụ (m^3)	Sản lượng rác thải xử lý (tấn)	Sản lượng nước thải (m^3)	
1	272	61	13.622.284	73.810	1.244.798	
2	219	61	12.979.427	63.897	1.109.019	
3	258	61	13.620.733	78.426	1.362.289	
4	294	68	15.726.930	78.302	1.262.906	
5	289	47	14.908.655	83.089	1.430.644	
6	334	42	15.518.879	76.277	1.338.366	
7	293	67	14.987.459	65.607	1.410.382	
8	222	21	13.724.892	58.799	1.382.001	
9	280	65	13.484.509	67.133	1.374.979	
10	232	61	14.702.477	78.512	1.395.129	
11	320	64	14.825.352	81.450	1.455.306	
12	557	119	15.990.327	79.943	1.461.712	
CỘNG	**3.570**	**737**	**174.091924**	**885.250**	**16.227.531**	

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TÓM TẮT (ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN)
Từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022

I. BẢN CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	31/12/2021	01/01/2021
		VND	VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**2.611.401.041.577**	**2.458.334.515.052**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**432.257.571.520**	**681.918.901.089**
120	**II. Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**595.500.000.000**	**336.600.000.000**
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**	**911.490.016.962**	**746.571.261.355**
140	**IV. Hàng tồn kho**	**642.164.577.258**	**612.933.578.444**
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**	**29.988.875.837**	**80.310.774.164**
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**	**6.265.812.877.147**	**5.716.439.827.678**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**	**964.646.977.479**	**978.343.027.648**
220	**II. Tài sản cố định**	**3.159.180.944.287**	**2.628.623.497.424**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	3.053.287.140.733	2.545.835.076.551
227	2. Tài sản cố định vô hình	105.893.803.554	82.788.420.873
240	**IV. Tài sản dở dang dài hạn**	**1.136.838.706.584**	**1.360.487.644.459**
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.136.838.706.584	1.360.487.644.459
250	**V. Đầu tư tài chính dài hạn**	**948.232.952.991**	**687.878.356.412**
260	**VI. Tài sản dài hạn khác**	**56.913.295.806**	**61.107.301.735**
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**	**8.877.213.918.724**	**8.174.774.342.730**
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**	**5.086.968.477.630**	**4.871.051.507.003**
310	**I. Nợ ngắn hạn**	**1.953.180.574.563**	**2.024.025.402.601**
330	**II. Nợ dài hạn**	**3.133.787.903.067**	**2.847.026.104.402**
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**3.790.245.441.094**	**3.303.722.835.727**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	**3.790.245.441.094**	**3.303.722.835.727**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	1.929.200.000.000	1.875.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	621.342.364.000	588.942.364.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển	624.539.141.623	440.156.919.891
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	517.346.731.440	301.806.347.805
422	4. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	**97.817.204.031**	97.817.204.031
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**	**8.877.213.918.724**	**8.174.774.342.730**

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm 2021	Năm 2020	Tỷ lệ tăng
		VND	VND	%
1	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	3.210.838.112.452	3.074.307.661.230	4,44%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	16.418.769.256	-	
10	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	3.194.419.343.196	3.074.307.661.230	3,91%
11	**Giá vốn hàng bán**	1.887.720.133.130	1.833.534.323.095	2,96%
20	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	1.306.699.210.066	1.240.773.338.135	5,31%
21	Doanh thu hoạt động tài chính	109.920.540.497	43.059.072.303	155,28%
22	Chi phí tài chính	96.817.254.736	219.823.969.807	-55,96%
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*	154.652.953.218	155.320.853.693	-0,43%
25	Chi phí bán hàng	324.572.149.157	354.965.459.263	-8,56%
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	138.856.504.775	127.328.171.646	9,05%
30	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	856.373.841.895	581.714.809.722	47,22%
31	Thu nhập khác	43.680.486.236	38.515.182.095	13,41%
32	Chi phí khác	62.859.521.175	32.830.305.032	91,47%
40	**Lợi nhuận khác**	(19.179.034.939)	5.684.877.063	-437,37%
50	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	837.194.806.956	587.399.686.785	42,53%
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	100.406.932.028	60.593.338.980	65,71%
60	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	736.787.874.928	526.806.347.805	39,86%

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2020	Tỷ lệ tăng
Tổng tài sản	8.877.213.918.724	8.174.774.342.730	8,59%
Tài sản ngắn hạn	2.611.401.041.577	2.458.334.515.052	6,23%
Nợ phải trả	5.086.968.477.630	4.871.051.507.003	4,43%
Nợ ngắn hạn	1.953.180.574.563	2.024.025.402.601	-3,50%
Hàng tồn kho	642.164.577.258	612.933.578.444	4,77%
Vốn chủ sở hữu	3.790.245.441.094	3.303.722.835.727	14,73%
Doanh thu thuần	3.194.419.343.196	3.074.307.661.230	3,91%
Giá vốn	1.887.720.133.130	1.833.534.323.095	2,96%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	856.373.841.895	581.714.809.722	47,22%
Lợi nhuận khác	(19.179.034.939)	5.684.877.063	-437,37%
Lợi nhuận trước thuế	837.194.806.956	587.399.686.785	42,53%
Lợi nhuận sau thuế	736.787.874.928	526.806.347.805	39,86%
1. Chỉ số khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,337	1,215	
2. Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số nợ / Tổng tài sản	0,573	0,596	
- Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu	1,342	1,474	
3. Chỉ số về năng lực hoạt động			
-Vòng quay hàng tồn kho	3,008	3,389	
-Doanh thu thuần / Tổng tài sản	0,360	0,376	
4.Chỉ tiêu khả năng sinh lời			
- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	23,06%	17,14%	
- Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	19,44%	15,95%	
- Lợi nhuận sau thuế/ Vốn góp chủ sở hữu	38,19%	28,10%	
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	8,30%	6,44%	
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần	26,81%	18,92%	

Bình Dương, ngày 7 tháng 3 năm 2022

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Mộng Thường	*Trần Tấn Đức*	*Trần Chiến Công*

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thủ Dầu Một, ngày 07 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương.

- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

- Căn cứ báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty năm 2021.

Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, thẩm định báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo giám sát tài chính và báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty năm 2021. Nay Ban Kiểm soát thống nhất báo cáo trình đại hội như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1.1 Công tác kiểm tra tình hình hoạt động trong kỳ:

Ban kiểm soát được đại hội đồng cổ đông bầu cử, hiện tại gồm 3 thành viên:

1. Bà Dương Anh Thư – Trưởng ban.

2. Ông Nguyễn Đức Bảo – Thành viên

3. Bà Nguyễn Kim Liên – Thành viên. (tạm ngưng công tác từ tháng 11/2021 vì lý do cá nhân).

Trong năm 2021 Ban kiểm soát đã thực hiện các nhiệm vụ chính như sau:

- Kiểm tra, giám sát các hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty trong việc thực hiện theo Điều lệ hoạt động của Công ty, các quy chế hoạt động của doanh nghiệp, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và của HĐQT công ty ban hành.

- Kiểm tra công tác pháp lý doanh nghiệp: ngoài việc cập nhật điều chỉnh điều lệ hoạt động của doanh nghiệp, quy chế quản trị, quy chế hoạt động của HĐQT, quy chế ban kiểm soát,… cho phù hợp với quy định mới. Ngoài ra, ban kiểm soát cũng thực hiện soạn thảo, hoàn thiện và ban hành các văn bản như: quy chế Quản lý rủi ro, Quy chế tổ chức và hoạt động pháp chế của doanh nghiệp, Bộ quy tắc đạo đức và ứng xử văn hóa doanh nghiệp, Quy chế kiểm toán nội bộ để phục vụ tốt hơn công tác quản trị doanh nghiệp BWE.

- Kiểm tra, kiểm soát các hồ sơ pháp lý giúp HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các chi nhánh thực hiện hiệu quả công việc và đúng quy định cũng như nỗ lực thực hiện đạt được các chỉ tiêu được giao năm 2021.

- Kiểm tra tính pháp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác tổ chức kế toán, Kiểm tra các số liệu hoạt động sản xuất kinh doanh, các báo cáo tài chính quý, 1/2 và năm 2021 của Công ty để đảm bảo sự phù hợp trong công tác kế toán, quản trị tài chính của doanh nghiệp.

- Theo dõi việc tổng hợp, cân đối nguồn vốn đầu tư trung, dài hạn của BIWASE để ban điều hành thuận tiện trong chỉ đạo, thực hiện phương án phát hành cổ phiếu theo

chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) 2021 tăng thêm 5.420.000 cổ phần, vốn điều lệ hiện tại của doanh nghiệp đạt 1.929,2 tỷ đồng.

- Thực hiện tổ chức các buổi gặp gỡ giữa doanh nghiệp và các nhà đầu tư, các cổ đông trong năm cũng như giải đáp ý kiến của các cổ đông, các nhà đầu tư quan tâm đến BIWASE.

- Tham gia công tác quản lý rủi ro về hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư, chính sách và tài chính công ty để có thể cảnh báo rủi ro giúp Ban điều hành hoạt động hiểu quả cao hơn.

- Thực hiện công bố thông tin theo quy định phù hợp với yêu cầu đối với công ty đại chúng với quy mô lớn.

- Tham dự các cuộc họp của HĐQT và các công việc khác.

1.2 Công tác Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021:

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã tiến hành 7 cuộc họp có công bố thông tin, với nội dung họp bàn và ra các quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, các nội dung chủ yếu họp bàn về quyết định kế hoạch sản xuất kinh doanh, đề xuất, xác định mức cổ tức và tổ chức chi trả cổ tức năm 2021 và quyết định một số vấn đề kinh doanh, giao dịch cần có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị theo quy định với một số nội dung điển hình như sau:

TT	Số và ký hiệu	Ngày ký	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	20/NQ-HĐQT	24/03/2021	V/v thông qua phương án, quy chế phát hành cổ phiếu và danh sách CBCNV được mua chi tiết theo chương trình ESOP 2021	100%
2	25/NQ-HĐQT	16/04/2021	V/v lựa chọn đơn vị kiểm toán trên BCTC năm 2021 – Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương	100%
3	27/NQ-HĐQT	25/05/2021	V/v tổng kết Vốn điều lệ sau khi phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP 2021 và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo số vốn điều lệ mới	100%
4	28/BB-HĐQT	30/06/2021	V/v thống nhất chủ trương gia tăng tỷ lệ sở hữu cổ phần của Biwase tại Cty CP Cấp nước Gia Tân	100%
5	32/BB-HĐQT	26/08/2021	Thống nhất chủ trương thực hiện ký Hợp đồng giao dịch với Công ty CP Xây lắp – Điện Biwase	100%
6	38/BB-HĐQT	26/10/2021	Thống nhất chủ trương thực hiện ký Hợp đồng giao dịch với Công ty CP Xây lắp – Điện Biwase	100%
7	41/NQ-HĐQT	30/11/2021	V/v thông qua tạm ứng cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt; Tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2022	100%

1.3 Kế hoạch, định hướng công tác BKS năm 2022.

- Tiếp tục thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

- Tiếp tục cập nhật và hoàn thiện các quy định, cơ sở pháp lý của doanh nghệp cho phù hợp quy định của luật doanh nghiệp, luật chứng khoán…

- Phối hợp kiểm toán nội bộ, thực hiện kiểm tra, kiểm soát công tác sử dụng nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, vật tư sử dụng, công tác quản lý, sử dụng tiền mặt, tài sản tại các chi nhánh được hiệu quả, đúng mục đích. Thực hiện công tác kiểm toán năng lượng, công tác quản lý các khoản nợ phải thu, phải trả và các hoạt động khác của Công ty.

- Kiểm tra, kiểm soát trình tự, pháp lý và hiệu quả thực hiện công tác đầu tư phát triển, mở rộng sản xuất, kinh doanh của công ty trên địa bàn tỉnh Bình Dương cũng như ra ngoài tỉnh..

- Giám sát, thực hiện công tác pháp lý của doanh nghiệp công bố thông tin phù hợp với hình thức của công ty đại chúng quy mô lớn.

- Giám sát HĐQT, Ban điều hành thực hiện công tác quản trị công ty cũng như hỗ trợ các chi nhánh thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2022.

1.4 Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác … sẽ được cân đối từ trong các chỉ tiêu được trích theo quy định và nghị quyết đại hội.

Số cuộc họp của BKS trong năm 2021: 4 cuộc với nội dung chủ yếu về họp bàn triển khai và phân công công việc cho các thành viên trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

II. ĐÁNH GIÁ VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

2.1 Công tác quản trị của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện nhiệm vụ đúng theo quy chế hoạt động của HĐQT. Tất cả các phiên họp được tiến hành đúng quy định của Điều lệ Công ty. Nội dung họp và nghị quyết tại các phiên họp đều là những vấn đề thuộc nhiệm vụ và thẩm quyền của HĐQT.

Giữa các phiên họp định kỳ của Hội đồng quản trị, khi cần giải quyết các vấn đề cấp bách thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị tổ chức họp bổ sung và có thông tin cho Ban Kiểm soát.

2.2 Công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các Nghị quyết, quyết định của HĐQT. Chủ động lập kế hoạch, quản lý, điều hành, sử dụng vốn, tài sản, lao động, phân công nhiệm vụ kịp thời, hợp lý và hiệu quả trong Ban Giám đốc để chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước và chế độ chính sách cho người lao động.

Với nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên, sự đoàn kết trong tập thể Ban Tổng Giám đốc và chỉ đạo kịp thời của HĐQT, Công ty đã từng bước khắc phục khó khan trong suốt thời gian bị ảnh hưởng đại dịch COVID để đảm bảo hoàn thành kế hoạch SXKD theo Nghị quyết của HĐQT.

2.3 Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Giám đốc điều hành và Cổ đông.

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc đã phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý, điều hành hoạt động của Công ty.

Các cuộc họp của HĐQT đều mời Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát tham dự, đóng góp ý kiến xây dựng hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý điều hành Công ty.

Các nghị quyết của HĐQT ban hành đều có sự thống nhất cao, cung cấp đầy đủ kịp thời cho Ban Kiểm soát, Giám đốc điều hành.

Các ý kiến của các cổ đông, các nhà đầu tư khi có yêu cầu đều được ban điều hành, ban kiểm soát giải đáp đầy đủ, kịp thời và thỏa đáng.

III. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2021

3.1. Công tác lập và kiểm toán Báo cáo tài chính.

Tại thời điểm kiểm soát, BCTC năm 2021 của Công ty đã được Đơn vị kiểm toán độc lập hoàn chỉnh gồm: Báo cáo kết quả hoạt động SXKD, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo các khoản phải nộp nhà nước và thuyết minh BCTC năm 2021.

Căn cứ báo cáo tài chính và các báo cáo liên quan, sau khi rà soát, Ban Kiểm soát nhận thấy:

+ Các chứng từ kế toán được lưu giữ đầy đủ, gọn gàng, đáp ứng tốt yêu cầu công tác kiểm tra, kiểm soát. Các biểu mẫu báo cáo rõ ràng, đúng quy định.

+ Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành và chuẩn mực kế toán Việt Nam.

+ Các số liệu báo cáo tài chính năm 2021 phản ánh trung thực tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2021.

- Ban Kiểm soát thống nhất với số liệu báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.

3.2. Nhận xét kết quả báo cáo tài chính năm 2021.

3.2.1. Các chỉ tiêu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

*** Bảng tổng hợp khối lượng nước tiêu thụ năm 2021 theo mục đích sử dụng**

Stt	Mục đích sử dụng	Sản lượng tiêu thụ				So sánh cùng kỳ	
						+/- (m^3)	%
		NĂM 2021 (m^3)	Chiếm tỷ lệ (%)	NĂM 2020 (m^3)	Chiếm tỷ lệ (%)		
1	Sinh hoạt	77.822.600	45%	73.667.954	44%	4.154.646	5,64%
2	Sản xuất	91.161.832	52%	87.138.084	53%	4.023.748	4,6%
3	Khác (KD,HCSN,...)	5.107.492	3%	4.592.071	3%	515.421	11,2%
Tổng cộng		**174.091.924**	100%	**165.398.109**	**100%**	**8.693.815**	**5,26%**

* Trong đó doanh thu – chi phí – lợi nhuận thực hiện năm 2021 chi tiết tại các lĩnh vực hoạt động chính của công ty, cụ thể như sau:

STT	LĨNH VỰC	DOANH THU (Tỷ đồng)						CHI PHÍ (Tỷ đồng)				LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (Tỷ đồng)			
		Thực hiện 2021	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	% So với TH 2020	% So với KH 2021	Chiếm Tỷ lệ (%)	Thực hiện 2021	Thực hiện 2020	% So với 2020	Chiếm Tỷ lệ (%)	Thực hiện 2021	Thực hiện 2020	%So với TH 2020	Chiếm Tỷ lệ (%)
1	**Cấp nước**	**2.074**	1,898	2,114	109	98	58	**1.474**	1.379	107	54	**600**	476	126	72
2	**Rác thải**	**835**	736	810	113	103	23	**773**	598	129	28	**62**	68	91	7
3	**Nước Thải**	**74**	130	153	57	48	2	**77**	114	68	3	**-3**	13	-23	0
4	**Khác**	**587**	570	483	103	122	16	**409**	477	86	15	**178**	30	593	21
		3.570	3.334	3.560	107	100	100	**2.733**	2.568	106	100	**837**	587	143	100

Nhận xét:

Kết quả tổng doanh thu bao gồm doanh thu nội bộ thực hiện năm 2021 đạt **3.570** tỷ đồng và tổng lãi gộp **837** tỷ đồng, trong đó lĩnh vực cấp nước chiếm đa số với doanh thu chiếm 58%, lãi gộp chiếm 72% và tỷ lệ lãi gộp/doanh thu đạt 29% tổng doanh thu, kế đến là lĩnh vực Xử lý chất thải chiếm 23% doanh thu và hoạt động khác 16% tổng doanh thu. Nguyên nhân lĩnh vực cấp nước hoạt động có hiệu quả cao vì là lĩnh vực hoạt động chính của BIWASE, công ty chú trọng đầu tư mở rộng nâng công suất cấp nước kịp thời, đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng nước và giảm tỷ lệ thất thoát nước đến mức tối đa có thể với tỷ lệ thất thoát nước đạt 2021.

3.2.2 Tình hình đầu tư tài chính của BIWASE tính đến 31/12/2021.

Tình hình tạm ứng chi trả cổ tức cổ phiếu BWE của năm 2021 bằng tiền mặt sẽ được thực hiện trong tháng 4/2022 theo danh sách cổ đông chốt quyền ngày 4/1/2022 với mức cổ tức chi trả đạt **12%** vốn điều lệ hiện tại là 1.929,2 tỷ đồng, tương đương 231,504 tỷ đồng (**1.200đồng/cp**).

Tình hình đầu tư tài chính của BIWASE tính đến 31/12/2021.

STT	Nội dung	Giá trị đầu tư tài chính (tỷ đồng)			Số cổ phần (cổ phần)	Chiếm Tỷ lệ /vốn điều lệ (%) (tỷ đồng)	Cổ tức 2021
		Số đầu kỳ (lũy kế)	Phát sinh (+/-)	Số cuối kỳ			
	Công ty con						
1	Công ty cổ phần Xây Lắp - Điện BIWASE	30	30	60	6.000.000	60% 100 tỷ đ	12%
2	Công ty Cổ phần tái chế vật liệu xanh (3R)	19,44	0	19,44	1.647.432	98,8% 16,67 tỷ đ	0%
	Công ty liên kết						
3	Công ty CP ĐT XD Chánh Phú Hòa	207,09	49,44	256,54	16.400.000	43,16% 380 tỷ đ	15%

4	Công ty Cổ phần cấp nước Gia Tân (GIWACO)	0	69,84	69,84	5.634.737	32,46% 100 tỷ đ	0%
	Công ty khác						
5	Công ty CP cấp nước Đồng Nai (DNW)	273,08	53,11	326,19	21.240.000	17,7% 1.000 tỷ đ	10%
6	Tổng Công ty SX và XNK Bình Dương (PRT)	213,76	0	213,76	12.000.000	4% 3.000 tỷ đ	3%
7	Tổng công ty TM XNK Thanh Lễ (TLP)	18,38	0	18,38	1.200.000	0,51% 2.366 tỷ đ	0,37%
8	Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp (SNZ)	0	4,92	4,92	141.000	0,04% 3.756 tỷ đ	10%
Tổng cộng		**761,77**	**207,30**	**969,07**	**64.263.169**		

Trong kỳ, BIWASE đầu tư gia tăng tỷ lệ sở hữu tại 2 doanh nghiệp, cụ thể như:

- Nhận chuyển nhượng 5.634.738 cổ phần tại công ty Cổ phần cấp nước Gia Tân (GIWACO) với giá trị 69,84 tỷ đồng theo phương thức giao dịch thỏa thuận. Để thuận tiện việc chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh tại công ty Cổ phần cấp nước Gia Tân - GIWACO (BWE chiếm tỷ lệ >32% vốn điều lệ), Công ty BIWASE có 2 thành viên HĐQT BWE tham gia HĐQT GIWACO (2/5), trong đó ông Nguyễn Văn Thiền là Chủ tịch HĐQT GIWACO và 1 thành viên tham gia Trưởng ban kiểm soát GIWACO (bà Nguyễn Thanh Thảo – PTKT CNCN Dĩ An). Hiện ban điều hành GIWACO đang nỗ lực triển khai đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước của Gia Tân để tăng khối lượng nước tiêu thụ, tăng cường hiệu quả hoạt động và góp phần gia tăng giá trị doanh nghiệp cho GIWACO cũng như BIWASE.

- Nhận chuyển nhượng 141.000 cổ phần tại Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp (SNZ) theo phương thứ khớp lệnh trên sàn với giá trị 4,92 tỷ đồng, tỷ lệ biểu quyết của công ty tại Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp (SNZ): 0,04%.

Ngoài ra, các khoản đầu tư trong năm 2021 của BWE tại Công ty cổ phần Xây Lắp - Điện BIWASE, Công ty CP ĐT XD Chánh Phú Hòa và Công ty CP cấp nước Đồng Nai (DNW) với tổng giá trị đầu tư 132,55 tỷ đồng để đảm bảo giữ nguyên tỷ lệ sở hữu cổ phần tại các doanh nghiệp này.

3.3 Bảng tổng hợp một số chỉ số hoạt động của BIWASE năm 2021:

STT	CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH	ĐVT	Thời điểm		So với năm trước
			31/12/2020	31/12/2021	
I	**Chỉ số về khả năng sinh lời**				
1	- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu ROS	Lần	0,17	0,23	0,06
2	- Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu ROE	Lần	0,16	0,19	0,03
3	- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản ROA	Lần	0,06	0,08	0,02
II	**Chỉ số về năng lực hoạt động**				
10	- Doanh thu thuần / Tổng tài sản	Lần	0,38	0,36	-0,02

11	- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng/ cp	2.810	3.820	1.011
12	- Chỉ số P/E	Lần	12,03	11,23	-0,8
13	- Lợi nhuận biên từ hoạt động kinh doanh	Lần	0,17	0,22	0,05

Nhận xét:

+ **Tỷ suất lợi sau thuế trên doanh thu (ROS)** năm 2021 đạt **23%**. Tăng 6% so với năm 2019 (17%) và Tỷ lệ này rất cao so với tỷ suất lợi nhuận nhà nước quy định khi xây dựng phương án giá nước là 5%.

+ **Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)** năm 2021: **19%,** Tăng 3% so với năm 2020 (16%) và **Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA)** năm 2021: **8%,** tăng 2% so với năm 2020 (6%) do tăng trưởng mạnh của Lợi nhuận sau thuế năm 2021.

Như vậy, các chỉ số ROS, ROE, ROA đạt được năm 2020 cho thấy hiệu quả hoạt động công ty theo đánh giá đạt khá cao so với các doanh nghiệp hoạt động cùng ngành.

3.4 Các chỉ số tài chính BIWASE năm 2021

Bảng tổng hợp một số chỉ số tài chính của BIWASE năm 2021: ĐVT Lần

STT	CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH	Thời điểm		So với Năm trước
		31/12/2020	31/12/2021	
I	**Chỉ số khả năng thanh toán**			
1	- Hệ số thanh toán hiện hành	1,21	1,34	0,12
2	- Hệ số thanh toán nhanh	0,87	0,99	0,12
3	- Hệ số thanh toán tiền mặt	0,34	0,22	-0,12
II	**Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn**			
4	- Hệ số nợ / Tổng tài sản	0,60	0,57	-0,02
5	- Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu	1,47	1,34	-0,13
6	- Hệ số Vốn CSH / Tổng tài sản	0,40	0,43	0,02
7	- Hệ số nợ phải trả / EBIIDA	4,04	3,44	-0,60

Nhận xét:

+ Nhìn chung, các chỉ số về khả năng thanh toán nợ của BIWASE năm 2021 khá cao và tăng tốt hơn so với năm 2020 cho thấy việc đảm bảo đủ khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của doanh nghiệp.

+ Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn: của công ty năm 2021 cũng đạt tốt hơn, giảm hơn so với năm 2020 và nằm trong giới hạn cho phép chung cũng như đáp ứng tốt các cam kết tại các thỏa thuận vay vốn.

IV. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VÀ KIẾN NGHỊ.

4.1. **Nhận xét, đánh giá**

- Trong năm 2021, Công ty đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông đề ra và hoàn thành đạt mức các chỉ tiêu kế hoạch chính của năm 2021 chủ yếu như: Tổng doanh thu thực hiện năm 2021: 3.570 tỷ đồng (bao gồm doanh thu nội bộ) đạt 100% nghị quyết đại hội, lợi nhuận trước thuế 837 tỷ đồng, đạt 152% kế hoạch, khối lượng nước sạch tiêu thụ đạt 105% so với năm 2020, chỉ tiêu thất thoát nước đạt 5%, giảm 0,33%, Tuy nhiên chỉ số P/E đạt 11 lần, đạt 93% so với năm 2020, chỉ tiêu phát triển đấu nối khách hàng sử dụng nước chỉ đạt 84% kế hoạch.

- Để phát huy hiệu quả đầu tư của các công trình đã đầu tư cũng như đáp ứng theo nhu cầu sử dụng nước sạch phục vụ sinh hoạt và sản suất trên địa bàn ngày càng tăng cao, trong năm 2021 ban điều hành đã tập trung chỉ đạo đầu tư vào các công trình mở rộng mạng lưới cấp nước… và tham gia đấu thầu thu gom, xử lý chất thải tại các thành phố, huyện thị trong tỉnh.

- Ngoài ra, công ty đã thực hiện chấp hành tốt việc công bố thông tin phù hợp quy định của công ty đại chúng có quy mô lớn cũng như thực hiện các chế độ, chính sách pháp luật theo quy định tại các lĩnh vực về thuế, thu nộp ngân sách, tín dụng, bảo hiểm, bảo vệ môi trường, lao động, tiền lương, chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán, chế độ báo cáo tài chính và báo cáo khác.

4.2. **Kiến nghị:**

+ Tăng cường lực lượng và chuyên môn hóa công tác thông tin truyền thông để không chỉ dừng lại ở mức độ tuân thủ mà cần đáp ứng tốt hơn nhu cầu cần tìm hiểu thông tin của các cổ đông, các nhà đầu tư ... góp phần tạo dựng hình ảnh, phát triển thương hiệu và làm gia tăng giá trị BIWASE.

+ Cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện thanh toán tiền nước qua ngân hàng và các dịch vụ thu hộ khác để tạo thuận lợi nhất cho khách hàng.

+ Cần tiếp tục đẩy nhanh công tác phát triển khách hàng đấu nối cấp nước để phát huy hết công suất khai thác từ các nhà máy cấp nước mới.

+ Tiếp tục tăng cường việc thu hồi vốn đã đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội và công viên cây xanh 12 tầng tại phường An Phú - Thuận An - Bình Dương.

+ Bổ sung và tăng cường công tác đào tạo, nâng cao năng lực bộ máy quản lý, điều hành doanh nghiệp để đáp ứng tốt nhu cầu mở rộng và phát triển quy mô hoạt động của doanh nghiệp trong tương lai.

Trên đây là nội dung kết quả làm việc của Ban kiểm soát đã được các thành viên Ban Kiểm soát thông qua về công tác kiểm tra giám sát tình hình hoạt động năm 2021 của Công ty Cổ phần nước – Môi trường Bình Dương, kính trình tại Đại Hội cổ đông thường niên năm 2022.

Trân trọng kính chào!

TM. BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY
TRƯỞNG BAN

Dương Anh Thư

PHỤ LỤC

BẢNG KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021(tóm tắt)

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm 2020	Năm 2021	Mức tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm
		(Tỷ VND)	(Tỷ VND)	(+/-)	(%)
1	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**3.074,31**	**3.210,84**	**136,53**	**4%**
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		16,42	**16,42**	
10	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**3.074,31**	**3.194,42**	**120,11**	**4%**
11	**Giá vốn hàng bán**	**1.833,53**	**1.887,72**	**54,19**	**3%**
20	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**1.240,77**	**1.306,70**	**65,93**	**5%**
21	Doanh thu hoạt động tài chính	43,059	109,92	66,86	155%
22	Chi phí tài chính	219,823	96,817	-123,01	-56%
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*	*155,32*	*154,653*	-0,67	0%
25	Chi phí bán hàng	354,965	324,572	-30,39	-9%
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	127,328	138,856	11,53	9%
30	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**581,72**	**856,38**	**274,66**	**47%**
31	Thu nhập khác	38,515	43,68	5,17	13%
32	Chi phí khác	32,83	62,859	30,03	91%
40	**Lợi nhuận khác**	**5,685**	**-19,179**	**-24,86**	**-437%**
50	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**587,40**	**837,20**	**249,80**	**43%**
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	60,593	100,406	39,81	66%
60	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	**526,81**	**736,79**	**209,98**	**40%**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN NĂM 2021 (tóm tắt)

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm 2020	Năm 2021	Mức tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm
		(VND)	(VND)	(+/-)	(%)
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**2.458,33**	**2.611,40**	**153,07**	**6%**
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	681,92	432,26	-249,66	-37%
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn	336,60	595,50	258,90	77%
130	Các khoản phải thu ngắn hạn	746,57	911,49	164,92	22%
140	Hàng tồn kho	612,93	642,16	29,23	5%
150	Tài sản ngắn hạn khác	80,31	29,99	-50,32	-63%
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**	**5.716,44**	**6.265,81**	**549,37**	**10%**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**	**978,34**	**964,65**	**-13,70**	**-1%**
220	**II. Tài sản cố định**	**2.628,62**	**3.159,18**	**530,56**	**20%**
221	Tài sản cố định hữu hình	2.545,84	3.053,29	507,45	20%
227	Tài sản cố định vô hình	82,79	105,89	23,11	28%
240	**III. Tài sản dở dang dài hạn**	**1.360,49**	**1.136,84**	**-223,65**	**-16%**
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.360,49	1.136,84	-223,65	-16%
250	**IV. Đầu tư tài chính dài hạn**	**687,88**	**948,23**	**260,35**	**38%**
260	**V. Tài sản dài hạn khác**	**61,11**	**56,91**	**-4,19**	**-7%**
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**	**8.174,77**	**8.877,21**	**702,44**	**9%**
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**	**4.871,05**	**5.086,97**	**215,92**	**4%**
310	Nợ ngắn hạn	2.024,03	1.953,18	-70,85	-4%
330	Nợ dài hạn	2.847,03	3.133,79	286,76	10%
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**3.303,72**	**3.790,24**	**486,52**	**15%**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	**3.303,72**	**3.790,24**	**486,52**	**15%**
411	Vốn góp của chủ sở hữu	1.875,00	1.929,20	54,20	3%
412	Thặng dư vốn cổ phần	588,94	621,34	32,40	6%
418	Quỹ đầu tư phát triển	440,16	624,54	184,38	42%
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	301,81	517,35	215,54	71%
422	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	97,82	97,82	0,00	0%
430	**II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác**				
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**	**8.174,77**	**8.877,21**	**702,44**	**9%**